

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST
Ngày: 19 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Khuu Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 339/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V BANK)

Trụ sở: Số 198 phố Tr, phường L, quận K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Du M, chức vụ: Giám đốc V BANK Chi nhánh An Giang

Nơi làm việc: V BANK Chi nhánh An Giang, số 26 đường Tr1, phường L1, thành phố X, tỉnh An Giang

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quốc Duy K, chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách PGD ML;

Nơi làm việc: V BANK An Giang - Phòng Giao dịch ML, số 296, tỉnh lộ 942, thị trấn ML, huyện C, tỉnh An Giang

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Thiện N, sinh năm 1985
- Bà Lê Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1988

Cùng cư trú: số 33 Ph, khóm Đ, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà H là: ông Trần Văn Ng, sinh năm 1956, cư trú: số 53 đường S, phường ĐX, thành phố X, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị Thu Ng1, sinh năm 1963;
- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962

Cùng cư trú: số 33 Ph, khóm Đ, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng, bà Nguyệt là: ông Trần Văn Ng, sinh năm 1956, cư trú: số 53 đường S, phường ĐX, thành phố X, tỉnh An Giang

- Ông Đặng Văn Th, sinh năm 1960

Cư trú: số 73 Tr, khóm 7, phường L1, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1963
- Bà Lê Kim V, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: số 147 đường Đ, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X

Trụ sở: đường B, Tổ 13, khóm ĐH, phường ĐX, thành phố X, tỉnh An Giang

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trung H1, chức vụ: Chi cục trưởng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thiện N, bà Lê Nguyễn Hoàng H, ông Trần Văn Ng, bà Bùi Thị Thu Ng1, ông Nguyễn Văn H1, ông Đặng Văn Th, bà Lê Kim V và đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X đều vắng mặt; ông Nguyễn Quốc Duy K và ông Nguyễn Thanh Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt là V bank) do ông Nguyễn Quốc Duy K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, bà Lê Nguyễn Hoàng H và V bank có ký kết Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kèm hợp đồng để Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng (gồm thẻ Master và thẻ JCB); thời hiệu có hiệu lực của thẻ (thời hạn vay) là 60 tháng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã nhiều lần rút tiền và trả lại. Tuy nhiên đến ngày

29 tháng 11 năm 2022 thì bà H đã không còn thanh toán khoản nợ cho ngân hàng nên dư nợ còn lại là 37.660.779 đồng; trong đó: nợ gốc là 28.540.123 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.438.627 đồng, nợ lãi quá hạn 4.574.029 đồng, phí thẻ 108.000 đồng.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2021, ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H với V bank có ký kết Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 172/2021/V BANK-ML ngày 28 tháng 9 năm 2021; đề Ngân hàng cho ông N, bà H vay số tiền 7.000.000.000 đồng với thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng cho vay có hiệu lực; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng; lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mục đích cho vay là phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Thực hiện hợp đồng này, Ngân hàng đã giải ngân cho ông N, bà H số tiền tổng cộng là 7.000.000.000 đồng, tuy nhiên ông N, bà H lại không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, trả lãi. Tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2022, tổng số dư nợ của ông N, bà H đối với khoản vay này là 7.234.399.367 đồng; trong đó: nợ gốc là 7.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 182.043.203 đồng, nợ lãi quá hạn là 52.356.164 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị Thu Ng1 đã thế chấp tài sản cho V bank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 130/2020/V BANK-ML ngày 23 tháng 9 năm 2020 và Phụ lục số 01 ngày 01 tháng 10 năm 2020 kèm theo hợp đồng thế chấp số 130/2020/V BANK-ML ngày 23 tháng 9 năm 2020. Tài sản thế chấp cụ thể là quyền sử dụng thửa đất số 140, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại phường Mỹ Xuyên, thành phố X, tỉnh An Giang, diện tích: 1268,5m²; hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất ở 89m², đất trồng cây lâu năm 1179,5m²; thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; đất trồng cây lâu năm: đến ngày 01 tháng 7 năm 2064; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 89m²; nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 1179,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS06951 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 5 năm 2020 cho ông Nguyễn Thanh Q, bà Lê Kim V; nhưng thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị Thu Ng1 theo hồ sơ số: 8677/20 xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh X ngày 11 tháng 9 năm 2000.

V bank đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông N, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay nêu trên, nhưng cho đến nay ông N, bà H không thực hiện trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ, cố tình không hợp tác xử lý nợ.

Vì vậy, V bank yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V bank (do V bank - Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số

tiền còn nợ, cụ thể:

+ Đối với khoản vay thứ nhất theo Đề nghị phát hành thẻ: số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 29 tháng 11 năm 2022 là 37.660.779 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 28.540.123 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi ba đồng), nợ lãi trong hạn 4.438.627 đồng (bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn 4.574.029 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm hai mươi chín đồng), phí thẻ 108.000 đồng (một trăm linh tám nghìn đồng); và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kèm hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2020.

+ Đối với khoản vay thứ hai theo Hợp đồng cho vay hạn mức: số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2022 là 7.234.399.367 đồng (bảy tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: nợ gốc là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 182.043.203 đồng (một trăm tám mươi hai triệu không trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm linh ba đồng), nợ lãi quá hạn là 52.356.164 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng). Và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 172/2021/V BANK-ML ngày 28 tháng 9 năm 2021.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 130/2020/V BANK-ML ngày 23 tháng 9 năm 2020 và Phụ lục số 01 ngày 01 tháng 10 năm 2020 kèm theo hợp đồng thế chấp số 130/2020/V BANK-ML ngày 23 tháng 9 năm 2020 để đảm bảo thi hành án.

- Trường hợp ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 130/2020/V BANK-ML ngày 23 tháng 9 năm 2020 và phụ lục kèm theo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H do ông Trần Văn Ng đại diện trình bày: Thống nhất trả nợ cho ngân hàng nhưng cần tính toán lại số tiền lãi và phương án trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Q trình bày:

Ông là người được thi hành án theo Bản án số 78/2022/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố X. Theo đó ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị Thu Ng1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông và bà Lê Kim V số tiền nợ gốc 5.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố X đã ban hành Quyết định số 01/QĐ.CCTHA ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.268,5m² tọa lạc tại phường Mỹ Xuyên, thành phố X, tỉnh An Giang do Sở

Tài nguyên môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị Thu Ng1. Tài sản này đang được thế chấp tại V bank - Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 130/2020/V BANK-ML ngày 23 tháng 9 năm 2020 và phụ lục kèm theo. Việc cưỡng chế kê biên là để thi hành án cho người được thi hành án Đặng Văn Th, Nguyễn Thanh Q, Lê Kim V.

Nay việc giải quyết tranh chấp giữa Ngân hàng với bị đơn và ông Hồng, bà Nguyệt không làm thay đổi nghĩa vụ của ông Hồng, bà Nguyệt đối với ông; nhưng liên quan đến việc thi hành bản án cho ông.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác: Không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự có mặt không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- V bank do ông Khương đại diện trình bày: (1) Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 172/2021/V BANK-ML ngày 28 tháng 9 năm 2021. Khoản vay này Ngân hàng cho ông N, bà H vay là để phục vụ mục đích kinh doanh, ông N, bà H có đăng ký kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh. (2) Đối với khoản vay theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kèm hợp đồng để Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng: thẻ tín dụng này được cấp cho cá nhân bà H, do bà H đứng ra ký kết hợp đồng với Ngân hàng; vì vậy, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông N có nghĩa vụ liên đới trả khoản vay này mà chỉ yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả khoản vay này. Cụ thể, V bank yêu cầu:

+ Ông N, bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền tính đến hết ngày 18 tháng 5 năm 2023 là 7.873.511.375 đồng, trong đó: nợ gốc là 7.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 595.863.014 đồng, nợ lãi quá hạn là 259.910.959 đồng, nợ lãi tính trên nợ lãi quá hạn là 17.737.402 đồng theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 172/2021/V BANK-ML ngày 28 tháng 9 năm 2021.

+ Bà H có nghĩa vụ trả số tiền tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với thẻ JCB là 23.485.413 đồng, trong đó: nợ gốc là 14.348.181 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.690.844 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.446.388 đồng; và số tiền tính đến hết ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với thẻ Master là 24.073.706 đồng, trong đó: nợ gốc là 14.191.942 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.234.050 đồng, phí thẻ là 108.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.539.714 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Q: giữ nguyên ý kiến đã trình bày, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án nhanh chóng để ông sớm được thi hành án.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: (1) xét thấy các hợp đồng đều có chữ ký của ông N, bà H. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; lời trình bày thừa nhận nợ của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; đã thể hiện các bên có giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội không vi phạm pháp luật, nội dung các bên đã thỏa thuận quyền và nghĩa vụ, số tiền, mục đích vay và thời hạn vay, phương thức trả nợ, cam kết trả nợ... Do đó, việc giao kết hợp đồng của các bên đã có giá trị pháp lý. Đối với số nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng chỉ có bà H ký tên hợp đồng, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông N biết khoản vay này cũng như số tiền vay được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc Ngân hàng yêu cầu ông N, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi là có cơ sở theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. (2) Đối với yêu cầu về tài sản bảo đảm: trường hợp ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp và phụ lục kèm theo mà các bên đã ký kết. Tuy nhiên, tài sản đảm bảo đang được kê biên để thi hành 02 bản án dân sự của ông Th và ông Q, bà Vân; hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với ông Hồng, bà Nguyệt, ông N, bà H được ký kết trước khi có quyết định kê biên của cơ quan thi hành án dân sự. Trong trường hợp nếu tài sản kê biên thì Ngân hàng sẽ được ưu tiên thanh toán phần nợ mà ông N, bà H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ. (3) Vì vậy, đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V bank; buộc ông N, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho V bank số tiền nợ gốc 7.000.000.0000 đồng và các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng; buộc bà H có nghĩa vụ trả cho V bank số tiền nợ gốc 28.540.123 đồng và khoản lãi phát sinh theo đề nghị phát hành thẻ cho đến khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng; đình chỉ yêu cầu buộc ông N liên đới với bà H trả cho V bank số tiền nợ gốc 28.540.123 đồng và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi theo Hợp đồng tín dụng. Khi khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn có đăng ký kinh doanh; nên Tòa án xác định thụ lý loại án dân sự là đúng quy định tại Điều 26, Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp được chứng cứ chứng minh người vay tiền ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H có đăng ký kinh doanh, mục đích vay để phục vụ hoạt động kinh doanh phát sinh lợi nhuận; nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Thiện N, bà Lê Nguyễn Hoàng H, ông Trần Văn Ng, bà Bùi Thị Thu Ng1, ông Nguyễn Văn H1, ông Đặng Văn Th, bà Lê Kim V và đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X đều đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện: giữa V bank và ông N, bà H có xác lập Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 172/2021/V BANK-ML ngày 28 tháng 9 năm 2021 để ông N, bà H thực hiện vay vốn gốc 7.000.000.000 đồng. V bank và bà H xác lập Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kèm hợp đồng ngày 26 tháng 11 năm 2020 để bà H thực hiện sử dụng thẻ tín dụng rút khoản vay hạn mức 30.000.000 đồng. Tại Hợp đồng cho vay và Đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng này (gọi chung là hợp đồng tín dụng), các bên đã thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất, phương thức thanh toán như nguyên đơn trình bày. Quá trình vay vốn ông N, bà H đã vi phạm nghĩa vụ khi không thực hiện trả nợ gốc, nợ lãi như thỏa thuận mà các bên xác lập. Bị đơn cũng thừa nhận việc giao kết các hợp đồng tín dụng dưới hình thức hợp đồng cho vay theo hạn mức và đề nghị phát hành thẻ tín dụng; thừa nhận số tiền còn nợ V bank là số tiền mà Ngân hàng đã trình bày. Xét thấy: các hợp đồng nêu trên đều được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên đã tự nguyện thực hiện hợp đồng được một thời gian thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận giao kết. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của V bank. Các hợp đồng tín dụng được xác lập vào các năm 2020, 2021; các bên có thỏa thuận về các loại lãi, phí cụ thể trong hợp đồng; nên khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu các khoản lãi, phí như đã thỏa thuận. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở.

[3.2] Đối với khoản vay theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng: hợp đồng này được bà H ký kết với V bank. Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh: ông N cùng bà H giao kết hợp đồng này, ông N biết về khoản vay này, khoản vay này được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, đại diện của V bank rút lại yêu cầu khởi kiện buộc ông N có nghĩa vụ liên đới với bà H trả số tiền vay theo Đề nghị

phát hành thẻ tín dụng, chỉ yêu cầu bà H trả khoản vay này là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V bank:

[3.3.1] Buộc ông N, bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho V bank số tiền tính đến hết ngày 18 tháng 5 năm 2023 là 7.873.511.375 đồng, trong đó: nợ gốc là 7.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 595.863.014 đồng, nợ lãi quá hạn là 259.910.959 đồng, nợ lãi tính trên nợ lãi quá hạn là 17.737.402 đồng. Kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2023, ông N, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 172/2021/V BANK-ML ngày 28 tháng 9 năm 2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3.3.2] Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho V bank số tiền tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với thẻ JCB là 23.485.413 đồng, trong đó: nợ gốc là 14.348.181 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.690.844 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.446.388 đồng. Kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2023, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kèm hợp đồng ngày 26 tháng 11 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3.3.3] Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho V bank số tiền tính đến hết ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với thẻ Master là 24.073.706 đồng, trong đó: nợ gốc là 14.191.942 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.234.050 đồng, phí thẻ là 108.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.539.714 đồng. Kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2023, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kèm hợp đồng ngày 26 tháng 11 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3.4] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của V bank về việc yêu cầu ông N liên đới với bà H trả khoản nợ vay theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế nêu trên.

[3.5] Đối với việc thế chấp tài sản:

[3.5.1] Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông N, bà H thì ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị Thu Ng1 có thế chấp tài sản cho V bank là: thửa đất số 140, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại phường Mỹ Xuyên, thành phố X, tỉnh An Giang, diện tích: 1268,5m²; hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất ở 89m², đất trồng cây lâu năm 1179,5m²; thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; đất trồng cây lâu năm: đến ngày 01 tháng 7 năm 2064; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 89m²; nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 1179,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS06951 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 5 năm 2020 cho ông Nguyễn Thanh Q, bà Lê Kim V; nhưng thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: chuyển nhượng cho

ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị Thu Ng1 theo hồ sơ số: 8677/20 xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh X ngày 11 tháng 9 năm 2000.

[3.5.2] Hợp đồng này được các bên tự nguyện xác lập, có chứng nhận của Văn phòng công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Qua quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác định các thửa đất nêu trên và tài sản gắn liền trên đất hiện do ông Hồng, bà Nguyệt đang quản lý, sử dụng. Do đó, việc duy trì Hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án là có cơ sở.

[3.5.3] Tài sản thế chấp nêu trên hiện nay đang bị kê biên thi hành án theo Quyết định số 01/QĐ.CCTHA ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Xét thấy, hợp đồng thế chấp giữa ông Hồng, bà Nguyệt với V bank được xác lập trước thời điểm kê biên tài sản, nên nghĩa vụ của người thế chấp tài sản, bảo lãnh của ông Hồng, bà Nguyệt đã phát sinh trước thời điểm tài sản thế chấp bị kê biên thi hành án.

[3.5.4] Vì vậy, trường hợp ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản đã thế chấp nêu trên sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật thi hành án dân sự. Việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo Luật thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án cho các nghĩa vụ của ông Hồng, bà Nguyệt, ông N, bà H.

[4] Về chi phí tố tụng: vì yêu cầu khởi kiện của V bank được chấp nhận nên ông N, bà H có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng. Chi phí này đã được Ngân hàng nộp tạm ứng, nên ông N, bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho V bank số tiền 200.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên V bank không phải chịu tiền án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện. Bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 288, 289, 299, 317, 320, 335, 336, 339, 340, 463, 466, 470, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H.

Buộc ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (Do Ngân hàng thương mại cổ phần V Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền tính đến hết ngày 18 tháng 5 năm 2023 là 7.873.511.375 đồng (bảy tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu năm trăm mười một nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 595.863.014 đồng (năm trăm chín mươi năm triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 259.910.959 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu chín trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi tính trên nợ lãi quá hạn là 17.737.402 đồng (mười bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm linh hai đồng).

Kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2023, cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 172/2021/V BANK-ML ngày 28 tháng 9 năm 2021. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bà Lê Nguyễn Hoàng H.

2.1 Buộc bà Lê Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (Do Ngân hàng thương mại cổ phần V Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền tính đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với thẻ JCB là 23.485.413 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm mười ba đồng), trong đó: nợ gốc là 14.348.181 đồng (mười bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn một trăm tám mươi một đồng), nợ lãi trong hạn là 5.690.844 đồng (năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 3.446.388 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2023, cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Nguyễn Hoàng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kiêm hợp đồng ngày 26 tháng 11 năm 2020. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2 Buộc bà Lê Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (Do Ngân hàng thương mại cổ phần V Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền tính đến hết ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với thẻ Master là 24.073.706 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm linh

sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 14.191.942 đồng (mười bốn triệu một trăm chín mươi một nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng), nợ lãi trong hạn là 6.234.050 đồng (sáu triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn không trăm linh năm đồng), phí thẻ là 108.000 đồng (một trăm linh tám nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là 3.539.714 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2023, cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Nguyễn Hoàng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kiêm hợp đồng ngày 26 tháng 11 năm 2020. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Thiện N về việc yêu cầu ông Nguyễn Thiện N liên đới với bà Lê Nguyễn Hoàng H trả nợ khoản vay theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V bank kiêm hợp đồng ngày 26 tháng 11 năm 2020.

5. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì tài sản đã thế chấp là:

Quyền sử dụng đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại phường Mỹ Xuyên, thành phố X, tỉnh An Giang, diện tích: 1268,5m²; hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất ở 89m², đất trồng cây lâu năm 1179,5m²; thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài; đất trồng cây lâu năm: đến ngày 01 tháng 7 năm 2064; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 89m²; nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 1179,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS06951 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08 tháng 5 năm 2020 cho ông Nguyễn Thanh Q, bà Lê Kim V; nhưng thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị Thu Ng1 theo hồ sơ số: 8677/20 xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh X ngày 11 tháng 9 năm 2000;

Được xử lý theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án.

6. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (do Ngân hàng thương mại cổ phần V Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

7. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng thương mại cổ phần V (Do Ngân hàng thương mại cổ phần V Chi nhánh An Giang đại diện) được nhận lại 57.617.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000957 ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố X và 941.000 đồng (chín trăm bốn mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001080 ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

- Ông Nguyễn Thiện N và bà Lê Nguyễn Hoàng H phải liên đới chịu án phí là 115.873.500 đồng (một trăm mười lăm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng).

- Bà Lê Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí là 2.377.900 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

8. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2023/QĐ-SCBSBAQĐ

X, ngày 02 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung quyết định do lỗi đánh máy, nhầm lẫn số liệu trong Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V BANK)

Trụ sở: Số 198 phố Tr, phường L, quận K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Du M, chức vụ: Giám đốc V BANK Chi nhánh An Giang

Nơi làm việc: V BANK Chi nhánh An Giang, số 26 đường Tr1, phường L1, thành phố X, tỉnh An Giang

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quốc Duy K, chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách PGD ML;

Nơi làm việc: V BANK An Giang - Phòng Giao dịch ML, số 296, tỉnh lộ 942, thị trấn ML, huyện C, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn*:

- Ông Nguyễn Thiện N, sinh năm 1985

- Bà Lê Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1988

Cùng cư trú: số 33 Ph, khóm Đ, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà H là: ông Trần Văn Ng, sinh năm 1956, cư trú: số 53 đường S, phường ĐX, thành phố X, tỉnh An Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Bùi Thị Thu Ng1, sinh năm 1963;

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962

Cùng cư trú: số 33 Ph, khóm Đ, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng, bà Nguyệt là: ông Trần Văn Ng, sinh năm 1956, cư trú: số 53 đường S, phường ĐX, thành phố X, tỉnh An Giang

- Ông Đặng Văn Th, sinh năm 1960

Cư trú: số 73 Tr, khóm 7, phường L1, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1963

- Bà Lê Kim V, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: số 147 đường Đ, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X

Trụ sở: đường Nguyễn Biểu, Tổ 13, khóm ĐH, phường ĐX, thành phố X, tỉnh An Giang

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trung H, chức vụ: Chi cục trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố X như sau:

- Tại dòng thứ 14 từ dưới lên, trang 01 của bản án đã ghi: “... Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-DS...”;

Nay sửa chữa như sau: “... Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-DS...”.

- Tại dòng thứ 4 từ dưới lên, trang 05 của bản án đã ghi: “... Ngoại thương yêu cầu:”

Nay sửa chữa như sau: “... Ngoại thương yêu cầu trả nợ gốc, lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ như sau:”

- Tại dòng thứ 21 và 22 từ trên xuống, trang 11 của bản án đã ghi: “...sáu triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn không trăm linh năm đồng),...”

Nay sửa chữa như sau: “...sáu triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn không trăm năm mươi đồng),...”

- Tại dòng thứ 10 và 11 từ dưới lên, trang 12 của bản án đã ghi: “Bà Lê Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí là 2.377.900 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm đồng)”.

Nay sửa chữa như sau: “Bà Lê Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang;
- VKSND tp. X;
- Chi cục THADS tp. X;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thùy Giang